TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do –Hạnh phúc**

Bản án số: 138/2024/HNGĐ-ST
Ngày 29-8-2024
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Phan Thị Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bửu Huệ;

2. Bà Phạm Tú Nhi.

- Thư ký phiên tòa: ông Phạm Anh Ly - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: ông Lê Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 236/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 06 năm 2024 về việc Tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 149/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2024, quyết định hoãn phiên tòa số 99/2024/QĐST-HNGĐ ngày 07/8/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị Thúy P, sinh năm 1976; thường trú: số D, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương; địa chỉ cư trú: A L, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: ông Nguyễn Gia Tân Minh N, sinh năm 1969; thường trú số 119 L, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương, cư trú: 119 L, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23 tháng 5 năm 2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị Thúy P và ông Nguyễn Gia Tân Minh N tự nguyện yêu nhau, tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận kết hôn số 109, quyển số 01 cấp ngày 18/10/2006 nên hôn nhân là tự nguyện và có sự chấp thuận của gia đình hai bên.

Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống tại phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra tranh cãi. Ông Nguyễn Gia Tân Minh N không quan tâm, chăm sóc cho gia đình, cũng như không có tiếng nói chung nên dẫn đến nhiều mâu thuẫn nghiêm trọng, mặc dù đã có nhiều nỗ lực hàn gắn tình cảm. Thực tế bà P cũng đã ra toà làm thủ tục ly hôn vào năm 2014, lúc đó Toà án giải quyết cho hai vợ chồng được đoàn tụ theo Quyết định số 51/2014/QĐST-HNGĐ ngày 08/9/2014, nhưng sau khi đoàn tụ vẫn không hạnh phúc. Nay bà P xác định cuộc sống hôn nhân ngày càng ngột ngạt, không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể tiếp tục cùng nhau xây dựng gia đình nên bà Nguyễn Thị Thúy P yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Gia Tân Minh N.

Về con chung: quá trình chung sống, vợ chồng bà Nguyễn Thị Thúy P và ông Nguyễn Gia Tân Minh N có 02 con chung là Nguyễn Gia P1, sinh ngày 26/02/2008; Nguyễn Gia B, sinh ngày 27/5/2016. Sau ly hôn, bà P có yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con và không yêu cầu ông N thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn ông Nguyễn Gia Tân Minh N: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã giao thông báo thụ lý vụ án và yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Gia Tân Minh N có ý kiến trả lời bằng văn bản đối với các yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thúy P nhưng ông Nguyễn Gia Tân Minh N không có ý kiến. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 12/7/2024; tham gia phiên tòa vào các ngày 07/8/2024 và ngày 29/8/2024 nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do; đồng thời cũng không có ý kiến và không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ gì thể hiện việc đồng ý hay không đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án.

Tại biên bản xác minh nguyên nhân mâu thuẫn giữa bà Nguyễn Thị Thúy P và ông Nguyễn Gia Tân Minh N do Tòa án tiến hành, chính quyền địa phương cung cấp thông tin như sau: bà P và ông N trước khi nộp đơn khởi kiện xin ly hôn tại Tòa án không yêu cầu chính quyền địa phương tổ chức hòa giải cơ sở. Quá trình chung sống thực tế mâu thuẫn giữa hai vợ chồng, vấn đề chăm sóc, nuôi dạy con chung như thế nào chính quyền địa phương không nắm rõ vì không

thấy đại diện khu phố, nhân dân phản ánh hay cung cấp thông tin gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp hành và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành theo quy định tại Điều 70 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung vụ án, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về việc vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy P có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Gia Tân Minh N đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa vào các ngày 07/8/2024 và ngày 29/8/2024 nhưng vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thúy P và ông Nguyễn Gia Tân Minh N tự nguyện sống chung với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận kết hôn số 109, quyển số 01 cấp ngày 18/10/2006 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

[3] Nguyên đơn xác định quá trình chung sống, vợ chồng không hạnh phúc, xảy ra nhiều mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra tranh cãi, ông Nguyễn Gia Tân Minh N không quan tâm, chăm sóc cho gia đình, thường xuyên bỏ bê gia đình. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã triệu tập đến tham gia phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông N không có mặt và cũng không có bất kỳ ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, Tòa án không tiến hành hòa giải đoàn tụ quan hệ hôn nhân của vợ chồng được. Nguyên đơn không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, nếu cứ tiếp tục duy trì tình trạng hôn nhân như hiện nay cũng không mang lại hạnh phúc cho các đương sự do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, việc bà Nguyễn Thị Thúy P yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Gia Tân Minh N là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà Nguyễn Thị Thúy P và ông Nguyễn Gia Tân Minh N có 02 con chung là Nguyễn Gia P1, sinh ngày 26/02/2008; Nguyễn Gia B, sinh ngày 27/5/2016. Sau ly hôn, bà P yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con và không yêu cầu ông N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét về mọi mặt của con chưa thành niên. Quá trình tố tụng tại Tòa án, ông Nguyễn Gia Tân Minh N vắng mặt và không có văn bản nào thể hiện ý chí mong muốn được nuôi con. Theo lời khai của 02 cháu Nguyễn Gia P1, Nguyễn Gia B đều không mong muốn sống với cả ba và mẹ. Thời gian trước đây và hiện

nay các cháu Nguyễn Gia P1, Nguyễn Gia B được bà P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và đảm bảo tốt về mọi mặt và đồng thời bị đơn ông Nguyễn Gia Tân Minh N cũng không thể hiện ý chí mong muốn được nuôi con nên việc giao các cháu Nguyễn Gia P1, Nguyễn Gia B cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc sau khi ly hôn là phù hợp quy định tại Khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Về cấp dưỡng: bà P không yêu cầu ông N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết.

[7] Từ những phân tích trên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ.

[8] Án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn: Bà Nguyễn Thị Thúy P phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy P về việc ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Gia Tân Minh N.

- Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị Thúy P được ly hôn với ông Nguyễn Gia Tân Minh N (theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh số 109, quyển số 01 cấp ngày 18/10/2006).

- Về con chung: ông Nguyễn Gia Tân Minh N giao con chung Nguyễn Gia P1, sinh ngày 26/02/2008 và Nguyễn Gia B, sinh ngày 27/5/2016 cho bà Nguyễn Thị Thúy P trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà P về việc không yêu cầu ông N phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, bà Nguyễn Thị Thúy P và ông Nguyễn Gia Tân Minh N có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở ông, bà thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: đương sự không yêu cầu giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Nguyễn Thị Thúy P phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004968 ngày 12/06/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Hiền